

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 940/QĐ-ĐHNT, ngày 21 tháng 8 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

<b>Tên ngành, nghề</b>	: Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
<b>Mã ngành, nghề</b>	: 6510213
<b>Trình độ đào tạo</b>	: Cao đẳng
<b>Hình thức đào tạo</b>	: Chính quy
<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
<b>Thời gian đào tạo</b>	: 2,5 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục trình độ cao đẳng Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy cung cấp môi trường và những hoạt động giáo dục nhằm giúp người học hình thành và phát triển nhân cách, có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức cộng đồng và bổn phận của công dân, năng lực tổ chức, tinh thần làm việc tập thể, lòng yêu nghề, trình độ ngoại ngữ, sức khỏe và khả năng đạt thành công nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy hoặc trong các ngành liên quan. Có thể làm việc tại những cơ sở đào tạo, sản xuất và quản lý liên quan đến tàu thủy.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1 Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A1. Có tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức kỷ luật và đủ sức khỏe trong việc tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ Quốc và làm việc lâu dài theo yêu cầu của ngành nghề.

##### 1.2.2 Về kiến thức

B1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quân sự, pháp luật; thể dục thể thao và phương pháp rèn luyện sức khỏe.

B2. Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc ngành đào tạo.

B3. Đọc hiểu các loại bản vẽ kỹ thuật trong ngành đóng sửa tàu thủy;

B4. Trình bày được các quy trình chung về công nghệ đóng sửa tàu thủy;

B5. Trình bày được các phương pháp khai triển chi tiết, kết cấu thân tàu;

B6. Triển khai quy trình gia công chế tạo, lắp ráp bộ khuôn, tôn vỏ, các chi tiết kết cấu thân tàu;

B7. Triển khai quy trình lắp ráp các phân đoạn, tổng đoạn tàu thủy;

B8. Xác định và triển khai được các phương pháp hạ thủy tàu phổ biến;

B9. Xác định được các nguyên nhân hư hỏng và phương pháp sửa chữa các chi tiết kết cấu thân tàu.

### **1.2.3 Về kỹ năng**

C1. Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phản biện và làm việc nhóm; kỹ năng rèn luyện sức khỏe.

C2. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn.

C3. Đọc hiểu hồ sơ thiết kế tàu thủy bằng tiếng Anh;

C4. Gia công cơ khí;

C5. Phóng dạng tàu thủy;

C6. Khai triển tôn vỏ và chi tiết kết cấu thân tàu;

C7. Chế tạo các loại dưỡng phục vụ cho việc thi công đóng mới, lắp ráp, sửa chữa tôn vỏ, kết cấu thân tàu thủy;

C8. Hàn tôn vỏ và chi tiết kết cấu theo đúng quy trình;

C9. Tổ chức và hướng dẫn được tổ, nhóm lao động để thực hiện công việc cụ thể.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể thực hiện các công việc:

- (a) Trực tiếp thực hiện công việc đóng mới và sửa chữa các phương tiện thủy tại các cơ sở đóng sửa tàu thủy;
- (b) Cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở đóng sửa tàu thủy; cơ sở sản xuất thiết bị phụ trợ ngành công nghiệp tàu thủy; cơ quan đăng kiểm tàu thủy;
- (c) Cán bộ theo dõi và quản lý chất lượng kỹ thuật – công nghệ tại các cơ quan tư vấn, giám sát, bảo hiểm, giám định chất lượng tàu thủy;
- (d) Cán bộ giảng dạy thực hành tại các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp có liên quan đến công nghệ đóng sửa tàu thủy;
- (e) Tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

### **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Thời gian khóa học : 2,5 năm
- Số lượng môn học : 33
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 92 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 510 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 870 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 553 giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 752 giờ

### 3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học (giờ)			Đáp ứng CĐR
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra	
<b>A</b>		<b>GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>34</b>	<b>510</b>	<b>269</b>	<b>210</b>	<b>31</b>	
<b>I</b>		<b>Các môn học chung</b>	<b>26</b>	<b>390</b>	<b>196</b>	<b>170</b>	<b>24</b>	
<b>I.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>24</b>	<b>360</b>	<b>192</b>	<b>146</b>	<b>22</b>	
1		Chính trị 1	2	30	20	8	2	A1,B1,C1
2		Chính trị 2	3	45	30	12	3	A1,B1,C1
3		Pháp luật đại cương	2	30	22	6	2	A1,B1,C1
4		Tin học cơ sở	2	30	22	6	2	B2,C2
5		Thực hành tin học cơ sở	1	15	0	14	1	B2,C2
6		Ngoại ngữ 1	4	60	30	26	4	B2,C2,C3
7		Ngoại ngữ 2	4	60	30	26	4	B2,C2,C3
8		Công tác an ninh	2	30	19	10	1	A1,B1,C1
9		Quân sự quốc phòng	3	45	17	26	2	A1,B1,C1
10		Điện kinh	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
<b>I.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>4</b>	<b>24</b>	<b>2</b>	
1		Bóng đá	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
2		Bóng chuyền	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
3		Cầu lông	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
4		Võ Thuật	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
5		Bơi lội	1	15	2	12	1	A1,B1,C1
<b>II</b>		<b>Nhóm HP thuộc khối Xã hội Nhân văn</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>73</b>	<b>40</b>	<b>7</b>	
<b>II.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>						
<b>II.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>36</b>	<b>20</b>	<b>4</b>	
1		Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	18	10	2	B4,B5,C9
2		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	18	10	2	B1,B6,B7,C9
<b>III</b>		<b>Nhóm HP thuộc khối Khoa học tự nhiên</b>						
<b>III.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>37</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	
1		Toán A	4	60	37	20	3	B2,B6,B7,

								C4, C5, C6
<b>B</b>		<b>CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN</b>	<b>58</b>	<b>870</b>	<b>284</b>	<b>542</b>	<b>44</b>	
<b>I</b>		<b>Học phần cơ sở</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>100</b>	<b>110</b>	<b>15</b>	
1		Nhập môn kỹ thuật tàu thủy	2	30	17	10	3	A1, B2, C1
2		Lý thuyết tàu thủy	3	45	22	20	3	B3, C3, C5
3		Kết cấu tàu thủy (Thực hành)	4	60	32	25	3	B3, C3, C6
4		Kỹ thuật vẽ tàu (Thực hành)	3	45	22	20	3	B3, C3
5		Thực hành kỹ thuật (6 tuần)	3	45	7	35	3	A1, C4, C8
<b>II</b>		<b>Học phần chuyên môn</b>	<b>43</b>	<b>645</b>	<b>184</b>	<b>432</b>	<b>29</b>	
<b>II.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>35</b>	<b>525</b>	<b>112</b>	<b>392</b>	<b>21</b>	
1		Đọc bản vẽ tàu thủy (Thực hành)	4	60	17	40	3	B3, C3, C9
2		Hàn tàu thủy (Thực hành)	4	60	17	40	3	B6, B7, C8
3		Công nghệ chế tạo kết cấu tàu thủy (Thực hành)	3	45	12	30	3	B6, B7, C6, C7, C8
4		Công nghệ đóng sửa tàu vỏ thép	4	60	37	20	3	B3, B5, B6, B7, B8, B9, C5, C6, C7
5		Công nghệ đóng sửa tàu vỏ composite (Thực hành)	3	45	22	20	3	B4, B5, B6, B9, C5, C6, C7
6		Thực tập chuyên ngành 1 (8 tuần)	4	60	7	50	3	B3, B6, B7, C3, C5, C6, C8
7		Thực tập chuyên ngành 2 (6 tuần)	3	45	0	42	3	A1, B3÷B9, C3÷C9
8		Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	5	75	0	75	0	A1, B3÷B9, C3÷C9
9		Chuyên đề tốt nghiệp	5	75	0	75	0	A1, B3÷B9, C3÷C9
<b>II.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>72</b>	<b>40</b>	<b>8</b>	
1		Dung sai lắp ghép và Đo lường kỹ thuật	2	30	18	10	2	B6, B7, C4, C6, C7
2		Kỹ thuật an toàn ngành KTTT	2	30	18	10	2	A1, B6, B7, C6, C7, C8

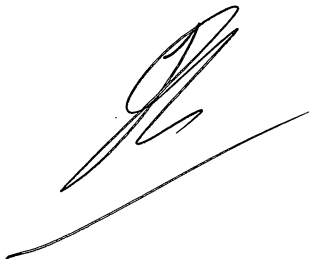
3		Chống ăn mòn tàu thủy	2	30	18	10	2	B9
4		Trang trí nội thất tàu thủy	2	30	18	10	2	B6,C6
5		Công nghệ CAD/CAM trong đóng tàu	2	30	18	10	2	B6,B7,C5, C6
6		KT kiểm tra không phá hủy	2	30	18	10	2	B9,C8
7		Đường ống tàu thủy	2	30	18	10	2	B6,C6,C8
8		Đăng kiểm tàu thủy	2	30	18	10	2	B4,B9,C8
<b>Tổng cộng</b>			<b>92</b>	<b>1380</b>	<b>553</b>	<b>752</b>	<b>75</b>	

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

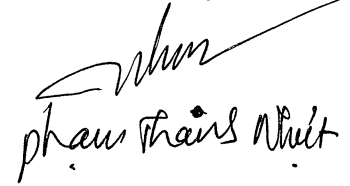


*Trương Văn Vũ*

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐTDH



BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



HIỆU TRƯỞNG



*Trương Sĩ Trung*